



Phụ lục I
PHƯƠNG AN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Cấp hành chính	Phân loại đô thị	
			Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030
I	Tổng số đô thị		18	18
1	Thành phố Pleiku	Thành phố	I	I
2	Thị trấn Phú Hòa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
3	Thị trấn Ya Ly	Thị trấn hiện có thuộc huyện	V	V
4	Thị xã Chư Sê	Thị xã	IV	IV(MR)
5	Thị trấn Nhơn Hòa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
6	Thị trấn Đak Đoa	Thị xã	V	IV
7	Thị trấn Ia Kha	Thị trấn huyện lỵ	V	V
8	Thị trấn Chư Ty	Thị xã	V	V
9	Thị trấn Chư Prông	Thị trấn huyện lỵ	V	V
10	Thị xã An Khê	Thị xã	IV	III
11	Thị trấn Kbang	Thị trấn huyện lỵ	V	IV
12	Thị trấn Kon Dong	Thị trấn huyện lỵ	V	V
13	Thị trấn Krông Chro	Thị trấn huyện lỵ	V	V
14	Thị trấn Đak Pơ	Thị trấn	V	(sát nhập vào thị xã An Khê và trở thành phường thuộc thị xã)
15	Thị xã Ayun Pa	Thị xã	IV	IV
16	Thị trấn Ia Pa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
17	Thị trấn Phú Thiện	Thị trấn huyện lỵ	V	IV

STT	Danh mục	Cấp hành chính	Phân loại đô thị	
			Hiện trạng năm 2020	Định hướng đến năm 2030
18	Thị trấn Phú Túc	Thị trấn huyện lỵ	V	V
II	Đô thị hình thành giai đoạn 2026 - 2030			
19	Đô thị cửa khẩu Lệ Thanh	Đô thị mới		V
III	Đô thị hình thành sau năm 2030			
20	Đô thị Ia Le	Đô thị mới		
21	Thị trấn Nam Yang	Đô thị mới		
22	Đô thị Ia Krái	Đô thị mới		
23	Đô thị Bàu Cạn	Đô thị mới		
24	Đô thị Ia Ga	Đô thị mới		
25	Thị trấn Sơn Lang	Đô thị mới		
26	Đô thị Kon Thụp	Đô thị mới		
27	Đô thị Pờ Tó	Đô thị mới		
28	Đô thị Lệ Bắc	Đô thị mới		

Ghi chú: Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục khu công nghiệp (KCN)	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
I	Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ			
1	KCN Trà Đa	Thành phố Pleiku	210	
2	KCN Nam Pleiku	Các huyện: Chư Sê, Chư Prông	200	200
3	KCN Nam Pleiku 2	Huyện Chư Sê	41	300
4	KCN Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	200	200
II	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
5	KCN Tây Nam Pleiku	Giao lộ giữa cao tốc đường 19 và cao tốc Bắc - Nam		500
6	KCN Chư Sê	Huyện Chư Sê		300
7	KCN An Khê	Thị xã An Khê		200
8	KCN Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa		200

Ghi chú: Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
1	Cụm công nghiệp Diên Phú, thành phố Pleiku	Thành phố Pleiku	40	40
2	Cụm công nghiệp Pleiku 1	Thành phố Pleiku	75	75
3	Cụm công nghiệp Pleiku 2	Thành phố Pleiku	75	75
4	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	75	75
5	Cụm công nghiệp Ia Ly	Huyện Chư Păh	24,5	75
6	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	75	75
7	Cụm công nghiệp Mang Yang 1	Huyện Mang Yang	75	75
8	Cụm công nghiệp Mang Yang 2	Huyện Mang Yang	75	75
9	Cụm công nghiệp tập trung Chư Sê	Huyện Chư Sê	45,66	75
10	Cụm công nghiệp thị xã An Khê	Thị xã An Khê	75	75
11	Cụm công nghiệp Song An 1	Thị xã An Khê	75	75
12	Cụm công nghiệp Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	38	75
13	Cụm công nghiệp Phú An	Huyện Đak Pơ	25	25
14	Cụm công nghiệp Đak Pơ 1	Huyện Đak Pơ	75	75
15	Cụm công nghiệp Đak Pơ 2	Huyện Đak Pơ	75	75
16	Cụm công nghiệp Ia Pa	Huyện Ia Pa	75	75
17	Cụm công nghiệp Ia Grai	Huyện Ia Grai	75	75
18	Cụm công nghiệp Ia Grai 2	Huyện Ia Grai	61	75
19	Cụm công nghiệp Kông Chro	Huyện Kông Chro	30	75

STT	Danh mục cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Địa điểm dự kiến	Quy mô (ha)	
			Năm 2030	Sau năm 2030
20	Cụm công nghiệp Chư Prông 1	Huyện Chư Prông	75	75
21	Cụm công nghiệp Chư Prông 2	Huyện Chư Prông	75	75
22	Cụm công nghiệp Chư Prông 3	Huyện Chư Prông	75	75
23	Cụm công nghiệp Ia Sao	Thị xã Ayun Pa	50	75
24	Cụm công nghiệp Chư Puh	Huyện Chư Puh	48	75
25	Cụm công nghiệp Krông Pa	Huyện Krông Pa	50	75
26	Cụm công nghiệp Kbang	Huyện Kbang	30	75
27	Cụm công nghiệp Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	75	75
28	Cụm công nghiệp số 2 huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	75	75
29	Cụm công nghiệp Đak Đoa 3	Huyện Đak Đoa	75	75
30	Cụm công nghiệp dự phòng Đak Đoa 4	Huyện Đak Đoa	75	75
31	Cụm công nghiệp Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	75	75
	Tổng cộng		1.942,16	2.240,00

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO,
KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO,
KHU LÂM NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Dự án các vùng nguyên liệu rau an toàn, ứng dụng công nghệ cao cho nhà máy chế biến rau quả	Thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa	500
2	Các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao (bò sữa, bò thịt cao sản, heo)	Các huyện: Chư Prông, Chư Puh, Ia Pa, Krông Pa	1.000
3	Dự án vùng nguyên liệu cây công nghiệp ứng dụng công nghệ cao (cà phê, điều, tiêu, chè...)	Toàn tỉnh	2000
4	Dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Pleiku, các huyện: Đak Đoa, Mang Yang	1000
5	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Chư Sê	150
6	Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch và kinh doanh thương mại	Thành phố Pleiku, các huyện: Đak Đoa, Chư Sê, Mang Yang	300
7	Dự án Khu Nông - Lâm nghiệp công nghệ cao	Các huyện: Kbang, Mang Yang	350
8	Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Mang Yang	285
9	Các dự án cây dược liệu (hà thủ ô, mật nhân, ba kích, đinh lăng, sâm Ngọc Linh, giống dược liệu...) theo tiêu chuẩn GACP-WHO	Các huyện: Chư Sê, Kbang	100
10	Dự án thử nghiệm, phát triển Sâm Việt Nam	Huyện Kbang	1000

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các hạng mục nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, CẢI TẠO, TU BỒ,
PHỤC HỒI CÁC DI TÍCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu	Phân loại <i>(Di tích quốc gia đặc biệt; Di tích quốc gia; Di tích cấp tỉnh)</i>	Địa điểm dự kiến
1	Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo	Di tích Quốc gia đặc biệt	Thị xã An Khê, các huyện: Đăk Pơ, Kbang, Kông Chro
2	Di tích khảo cổ Rộc Tung-Gò Đá	Di tích Quốc gia đặc biệt	Thị xã An Khê
3	Biển Hồ	Di tích Quốc gia	Thành phố Pleiku
4	Làng kháng chiến Stor	Di tích Quốc gia	Huyện Kbang
5	Di tích Plei Oi	Di tích Quốc gia	Huyện Phú Thiện
6	Nhà lao Pleiku	Di tích Quốc gia	Thành phố Pleiku
7	Địa điểm chiến thắng Đak Pơ	Di tích Quốc gia	Huyện Đak Pơ
8	Địa điểm chiến thắng đường 7 - sông Bờ	Di tích Quốc gia	Thị xã Ayun Pa
9	Địa điểm chiến thắng Pleime	Di tích Quốc gia	Huyện Chư Prông
10	Trùng tu, tôn tạo, tu bổ, chống xuống cấp các di tích cấp tỉnh: Đền tưởng niệm Mộ liệt sỹ; Chiến thắng Chư Ty; Khu căn cứ địa cách mạng Khu 10; Căn cứ cách mạng Khu 9 - xã Gào; Vụ thăm sát nhân dân làng Tân Lập năm 1947; Địa điểm đón thư Bác Hồ gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku năm 1946; Khu lưu niệm Anh hùng Wừu; Chiến thắng Chư Nghé; Chiến thắng Chư Bờ; Khu mộ nhà giáo Nay Der; Địa	Di tích cấp tỉnh	Toàn tỉnh

STT	Tên khu	Phân loại (Di tích quốc gia đặc biệt; Di tích quốc gia; Di tích cấp tỉnh)	Địa điểm dự kiến
	điểm chiến thắng Plei Ring; Bến đò A Sanh; Miếu Thanh Minh; Cụm đình miếu Tân Lai - Tân Chánh; Đình Tân An; Khu tưởng niệm liệt sĩ Tú Thủy; Địa điểm thành lập chi bộ đầu tiên của huyện Cheo Reo (10/8/1947); Chiến thắng Suối Vôi, Rộc Dứa; Quảng trường Đại Đoàn Kết; Di tích thung lũng Ia Drang; Bia Chăm Tư Lương; Căn cứ cách mạng Huyện 6 (Khu 6); Quần thể di tích Ấp Tây Sơn Nhì - Cửu An; Miếu An Tân; Đình Cửu Định; Đền tưởng niệm liệt sĩ Ka Nak (Kbang).		

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các di tích sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết hoặc lập dự án đầu tư.

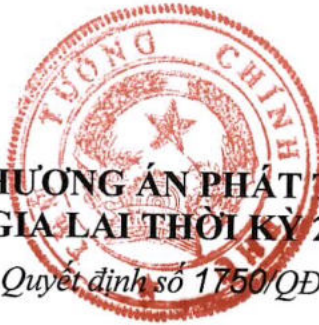


Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DU LỊCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
1	Khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya	Thành phố Pleiku; huyện Chư Păh
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch sinh thái vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Huyện Mang Yang
2	Khu du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Huyện Kbang
3	Khu du lịch văn hóa Cao Nguyên Đồi thông kết hợp đô thị sinh thái	Huyện Ia Grai và Thành phố Pleiku
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng đồi thông Đak Pơ	Huyện Đak Pơ
5	Khu du lịch suối đá 2 (du lịch tâm linh kết hợp sinh thái)	Thị xã Ayun Pa
6	Khu du lịch sinh thái Hòn đá Trãi kết hợp du lịch cộng đồng làng truyền thống văn hóa dân tộc	Huyện Mang Yang
7	Khu du lịch đập Bến Tuyết	Thị xã An Khê
8	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Ia Ly	Huyện Chư Păh
9	Khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sê San 4	Huyện Ia Grai
10	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng thác Mơ	Huyện Ia Grai
11	Khu du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và phát huy giá trị "Di tích khảo cổ thời đại Đá cũ Rộc Tung"	Thị xã An Khê
12	Khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng Chư Don - Ia Nhi - Thơ Ga	Huyện Chư Puh
13	Khu du lịch công viên Đồi thông, thị trấn Đak Đoa	Huyện Đak Đoa
14	Khu du lịch Hồ Ia Băng - Đak Đoa	Huyện Đak Đoa
15	Khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, văn hóa, lịch sử	Huyện KBang

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu du lịch sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.



Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
A	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC			
I	Cao tốc			
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) (đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 97 km) gồm 2 đoạn: Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum) - Pleiku (tỉnh Gia Lai); Pleiku (tỉnh Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk)	Ranh giới giữa tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai	Ranh giới giữa tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk	6 làn
2	Cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20), đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 154 km	Ranh giới giữa tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai	Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	4 làn
II	Quốc lộ			
1	QL.14C	Km107+000	Km197+880	III-IV, 2-4 làn xe
2	QL.19	Km67+000	Km241+000	III, 2-6 làn xe
3	QL.19D	Km0+000	Km45+500	III-IV, 2-4 làn xe
4	QL.19E	Km0+00 (giao với QL.19 tại Km79+900 thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai)	Km73+800 (huyện. Kông Chro (giáp ranh tỉnh Phú Yên)	III-IV, 2-4 làn xe
5	QL.25	Km69+000	Km180+810	III, 2-4 làn xe
6	Đường Hồ Chí Minh	Km1564+327	Km1667+570	III, 2-4 làn xe

STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
	(QL.14)			
	Đường Hồ Chí Minh - Tuyến tránh thành phố Pleiku	Km+000	Km30+327	Đường cao tốc
	Đường Hồ Chí Minh - Tuyến tránh Chư Sê	Km0+000	Km10+821	III, 2-4 làn xe
7	Đường Trường Sơn Đông	Km230+000	Km475+000	III-IV, 2-4 làn xe
B	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH			
1	ĐT.661	Huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	III
2	ĐT.662B	Huyện Phú Thiện	Huyện Krông Pa	IV
3	ĐT.663	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	III+IV
4	ĐT.664	Thành phố Pleiku	Huyện Ia Grai	III+IV
5	ĐT.665	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	III+IV
6	ĐT.666	Huyện Mang Yang	Huyện Ia Pa	III+IV
7	ĐT.667	QL19, thị xã An Khê	Đường Trường Sơn Đông, huyện Ia Pa	IV
8	ĐT.668	Thị xã Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	III+IV
9	ĐT.669	Thị xã An Khê	Huyện Kbang	III+IV
10	ĐT.670B	Thành phố Pleiku	Huyện Đak Đoa	III+IV
11	Đường tỉnh (Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê)	Thành phố Pleiku	Huyện Chư Sê	IV
12	Đường tỉnh (Tuyến T1)	QL.19 huyện Chư Prông	Đường tỉnh 666 huyện Mang Yang	IV
13	Đường tỉnh (Tuyến T2)	Đường Hồ Chí Minh địa phận, huyện Chư Păh	Huyện Đức Cơ	IV
14	Đường tỉnh	QL.25 thuộc	QL.19,	IV

STT	Tên đường	Điểm đầu (Km)	Điểm cuối (Km)	Quy mô giai đoạn quy hoạch (Cấp, số làn)
	(Tuyến T3)	huyện Chư Sê	Huyện Đức Cơ	
15	Đường tỉnh (Tuyến T5)	QL.19D, Huyện Chư Păh	Huyện Kbang	Tối thiểu cấp IV
16	Đường tỉnh (Tuyến T6)	QL.19, huyện Đak Đoa	QL.19E, huyện Kông Chro	IV
17	Đường tỉnh (Tuyến T8)	Đường Hồ Chí Minh, huyện Chư Puh	ĐT.665, huyện Chư Prông	Tối thiểu cấp IV
18	Đường tỉnh (Tuyến T9)	Giao với đường Trường Sơn Đông (địa phận huyện Kông Chro)	Đường Trường Sơn Đông (địa phận huyện Ia Pa)	Tối thiểu cấp IV
19	Đường tỉnh (Tuyến T10)	QL.19 địa phận thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai)	QL.25, huyện Krông Pa	Tối thiểu cấp IV
C	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI			
20	Nghiên cứu đầu tư tuyến đường từ xã Ia Pơ kết nối với tuyến QL 14.C	Huyện Chư Prông	km 196+200, QL 14.C	cấp IV
21	Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường kết nối với các tỉnh lân cận, gồm: Bình Định, Kon Tum, Phú Yên, Đắk Lắk.			

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên cảng hàng không	Quy mô, cấp sân bay	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)
	Theo Quy hoạch tổng thể phát triển cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt			
	Cảng hàng không Pleiku	Cấp 4C	Thành phố Pleiku	383,68 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tuyến	Loại đường dự kiến (đơn, đôi)	Khổ đường dự kiến (mm)
Tuyến đường sắt quốc gia			
Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt			
1	Xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 100 km)	Đường đơn	Khổ 1.435mm

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
I	Xây dựng mới			
1	Hệ thống kết nối điều hòa nguồn nước đập dâng Thượng Ayun + hồ Đăk Ptó (theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)			22.300
2	Hồ Ea Thul (theo Quyết định 847/QĐ-TTg)	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	8.600
3	Hồ Kchi Ruồi	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	1.300
4	Hồ Làng Ngo	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	2.500
5	Hồ Ia Dok	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	810
6	Hồ Ia Rheo	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	1.020
7	Hồ Đăk Pi Hao	Huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	10.200
8	Hồ Ea Rsai	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	1.950
9	Hồ Thượng Ea Ur	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	3.050
10	Hồ Ea Po	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	2.550
11	Hồ Ea Trat	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	590

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
12	Hồ Ea Drê	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	4.300
13	Hồ Làng Canh	Huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	1.000
14	Hồ Ia Kron	Huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	600
15	Hồ Suối Tô (Plei Dio)	Huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	800
16	Đập Ia Lôp 2	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	500
17	Hồ Chư Bor	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	600
18	Hồ Ia Rong	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	900
19	Hồ Làng Long	Huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	700
20	Đập Ia Kiâm 3	Huyện Ia Grai	Huyện Ia Grai	900
21	Hồ Suối Lơ	Huyện Kbang	Huyện Kbang	1.500
22	Hồ Đak Tô Kông	Huyện Kbang	Huyện Kbang	4.800
23	Hồ Đak Pơ Pho	Huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	950
24	Hồ Ia Ke	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	700
25	Trạm bơm Ia Sol	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	1.000
26	Hồ Ea Sol	Huyện Phú	Huyện Phú	700

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
		Thiện	Thiện	
27	Trạm bơm Hồ Ayun hạ	Huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	10.000
28	Hồ Ia Rơ Dung	Thành phố Pleiku	Thành phố Pleiku	500
29	Hồ Ia Lốp Thượng	Huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	540
30	Hồ Đak Xà Wong	Huyện Đak Pơ	Huyện Đak Pơ	2.000
31	Hồ Đak Pơ Kơ	Huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	2.000
32	Hồ Ea Guir	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	1.100
33	Hồ Ea Ke	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	650
34	Hồ Đăk HNgoi	Huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	480
35	Hồ Ea Guir	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	600
36	Hồ Ea Trat	Huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	600
37	Hồ Hà Long	Huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	500
38	Hồ Đak Pơ Tó 2	Huyện Ia Pa	Các huyện Ia Pa, Mang Yang	800
39	Hồ Đak Pơ Tó 1	Huyện Ia Pa	Các huyện Ia Pa, Mang Yang	2.600
40	Hồ Đăk Tô Kong			1.000
41	Xây mới các công trình khác (bao gồm danh mục 210 công trình) (*)	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	38.033

STT	Tên hệ thống	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ dự kiến	Nhiệm vụ tưới dự kiến (ha)
II	Nâng cấp, cải tạo			
1	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Ayun hạ (theo Quyết định 847/QĐ-TTg)			
2	Sửa chữa, nâng cấp các công trình hư hỏng	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	
3	Các công trình thủy lợi phát sinh mới	Toàn tỉnh	Toàn tỉnh	

Ghi chú: Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

(*) Các công trình phân cấp cho cấp tỉnh, huyện quản lý căn cứ vào nhu cầu, tính cấp bách của dự án tỉnh cân đối, đảm bảo nguồn lực triển khai.



Phụ lục XI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN KÈ CHỐNG SẠT LỞ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)*

STT	Tên tuyến kè sông/suối	Địa điểm dự kiến	Chiều dài dự kiến (m)
1	Sạt lở bờ Sông Ba khu vực xã Chư Rcăm, huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	2.000
2	Sạt lở suối Đăk Pi Hao	Huyện Ia Pa	500
3	Sạt lở Sông Ba (đoạn chân cầu đi xã Ia Kdăm)	Huyện Ia Pa	500
4	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Chư Mố)	Huyện Ia Pa	1.300
5	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Ia Tróck)	Huyện Ia Pa	300
6	Sạt lở Sông Ayun (khu vực xã Ia Tróck)	Huyện Ia Pa	300
7	Sạt lở Sông Ba (khu vực xã Ia Broãi)	Huyện Ia Pa	1.650
8	Sạt lở bờ sông đoạn qua trung tâm thị trấn Ka Nat, huyện Kbang	Huyện Kbang	4.000
9	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn Hoan 1 và 2, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	2.000
10	Sạt lở Sông Bờ (khu vực Bôn Hoan 1 và 2, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	1.000
11	Sạt lở Sông Bờ (khu vực Bôn Hoan 1, xã Ia Sao)	Thị xã Ayun Pa	500
12	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn H'Lip)	Thị xã Ayun Pa	800
13	Sạt lở Sông Ba (khu vực Bôn Phu Ma Miong, Xã Ia Rtô)	Thị xã Ayun Pa	1.200
14	Sạt lở Sông Ba (khu vực Đức Lập, Xã Ia Rtô)	Thị xã Ayun Pa	2500
15	Sạt lở suối Đăk Lốp (khu vực Cầu Đăk Lốp đến Sông Ba)	Huyện Kbang	2.900
16	Sạt lở Sông Ba (khu vực Thôn 10 Xã Đông)	Huyện Kbang	2.940
17	Kè chống nguy cơ sạt lở cho các hộ dân sống dọc bờ Đông sông Ia Sol đoạn từ đầu cầu Ia Sol đến Nhà thờ Plei A Thai	Huyện Phú Thiện	1.300
18	Kè chống sạt lở bờ sông (đoạn chảy qua trạm bơm điện Chư Răng 2, khu vực	Huyện Ia Pa	1.500

STT	Tên tuyến kè sông/suối	Địa điểm dự kiến	Chiều dài dự kiến (m)
	thôn Quý Đức, khu vực cầu IaKdăm)		
19	Kè chống sạt lở trong khu dân cư xã Ia Drang	Huyện Chư Prông	1.820
20	Kè chống sạt lở suối Hội Phú (giai đoạn 3)	Thành phố Pleiku	2.000
21	Kè chống sạt lở Cầu số 3	Thành phố Pleiku	2.000
22	Các tuyến kè sạt lở phát sinh mới	Toàn tỉnh	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ MÁY NƯỚC, TRẠM CẤP NƯỚC
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
I	XÂY DỰNG MỚI		
1	Huyện Mang Yang		
a	Thị trấn Kon Dong		
	Trạm bơm cấp nước số 2	Nước dưới đất	3.000
b	Đô thị Kon Thụp		
	Nhà máy nước Kon Thụp	Nước mặt sông Ayun	2.600
2	Huyện Ia Grai		
a	Thị trấn Ia Kha		
	Nhà máy nước Ia Năng	Nước mặt hồ Ia Năng	4.000
b	Đô thị Ia Sao		
	Nhà máy nước Ia Sao	Nước mặt hồ Biển Hồ	3.200
3	Huyện Đrúc Cơ		
a	Thị trấn Chư Ty		
	Trạm cấp nước Ia Krêl	Nước mặt suối Ia Krêl	4.000
b	Thị trấn Lệ Thanh		
	Nhà máy nước thị trấn Lệ Thanh	Nước mặt sông Sê San	4.000
4	Huyện Đak Đoa		
	Trạm bơm cấp nước (số 2)	Nước mặt hồ Biển Hồ	5.000
5	Huyện Chư Prông		
a	Thị trấn Chư Prông		

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	Nhà máy nước thị trấn Chư Prông	Nước mặt hồ Chư Prông	4.000
b	Đô thị Bàu Cạn		
	Nhà máy nước Bàu Cạn	Nước mặt hồ Hoàng Ân	2.200
6	Huyện Chư Puh		
	Nhà máy nước Plei Thơ Ga	Nước mặt hồ Plei Thơ Ga	3.500
7	Huyện Chư Sê		
	Nhà máy nước Nam thị trấn Chư Sê	Nước dưới đất	6.500
8	Huyện Đak Pơ		
	Nhà máy nước Tàu Dầu	Nước mặt hồ Tàu Dầu	1.000
9	Huyện Chư Păh		
a	Thị trấn Phú Hòa		
	Nhà máy nước Ia Ly 2	Nước mặt hồ Ia Ly	2.000
b	Thị trấn Ia Ly		
	Nhà máy nước Ia Ly	Nước mặt hồ Ia Ly	3.000
10	Huyện Krông Pa		
b	Đô thị Lệ Bắc		
	Trạm cấp nước Lệ Bắc	Nước ngầm	2.600
11	Thành phố Pleiku		
	Nghiên cứu xây dựng nhà máy nước Pleiku (cấp nước từ hồ Ia Ly về thành phố Pleiku)	Nước mặt	90.000
II	NÂNG CẤP, CẢI TẠO		
1	Thành phố Pleiku		
	Nhà máy nước Biển Hồ	Nước mặt Biển Hồ A	40.000

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	Nhà máy nước Sài Gòn - Pleiku	Nước mặt Biển Hồ A	50.000
2	Huyện Kbang		
	Nhà máy nước dốc Khảo sát	Nước mặt suối Đăk Lốp	2.000
	Nhà máy nước Đăk Lốp	Nước mặt hồ thủy điện An Khê - Kanak	4.500
3	Huyện Kông Chro		
	Nhà máy nước thị trấn Kông Chro	Nước mặt sông Pơ Kơ	3.600
4	Huyện Mang Yang		
a	Thị trấn Kon Dơng		
	Nhà máy nước Kon Dơng (số 1)	Nước dưới đất	1.000
5	Huyện Phú Thiện		
	Nhà máy nước Phú Thiện - Ia Pa	Nước mặt hồ Ayun Hạ	7.000
6	Thị xã Ayun Pa		
	Nhà máy nước Ayun Pa	Nước mặt suối Ia Rbol	10.000
7	Huyện Ia Grai		
a	Thị trấn Ia Kha		
	Nhà máy nước Ia Kha	Nước dưới đất	1.000
8	Huyện Đức Cơ		
a	Thị trấn Chư Ty		
	Công trình cấp nước tập trung Chư Ty	Nước dưới đất	2.300
9	Huyện Ia Pa		
	Nhà máy nước Phú Thiện - Ia Pa	Nước mặt hồ Ayun Hạ	1.400
10	Huyện Đak Đoa		
	Trạm bơm cấp nước thị trấn	Nước dưới đất	2.000

STT	Tên công trình	Nguồn nước dự kiến	Công suất (m ³ /ng.đ)
	(số 1)		
11	Huyện Chư Pưh		
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Chư Pưh	Nước dưới đất	827
12	Huyện Chư Sê		
	Nhà máy nước Chư Sê	Nước mặt hồ Ia Ring	9.000
13	Huyện Đak Pơ		
	Nhà máy nước Đak Pơ	Nước mặt hồ K'Tung 4	1.300
14	Huyện Chư Păh		
a	Thị trấn Phú Hòa		
	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Phú Hòa	Nước dưới đất	1.970
15	Huyện Krông Pa		
a	Thị trấn Phú Túc		
	Trạm cấp nước sinh hoạt Krông Pa	Nước mặt hồ Ia M'lah	4.000
16	Thị xã An Khê		
	Nhà máy nước Sài Gòn - An Khê	Nước mặt hồ An Khê - Ka Nak	15.000

Ghi chú:

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
I	THỦY ĐIỆN		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Thủy điện Ia Ly mở rộng	Sa Thầy (tỉnh Kon Tum), huyện Chư Păh	
2	Thủy điện Ia Glae 2	Huyện Chư Prông	
3	Thủy điện Ia Tchom 1	Huyện Ia Grai	
5	Thủy điện Đăk Pô Kei	Huyện Kon Rẫy (Kon Tum), huyện Chư Păh	
6	Thủy điện Ia Hiao	Thị xã Ayun Pa, huyện Phú Thiện	
7	Thủy điện Đăk Ayuonh	Huyện Mang Yang	
8	Thủy điện Krông Ja Taun	Huyện Mang Yang	
9	Thủy điện Ia Grai Thượng	Huyện Ia Grai	
10	Thủy điện Lơ Pang	Huyện Mang Yang	
11	Thủy điện tiềm năng		
-	Mở rộng, nâng công suất	Các huyện	
-	Các dự án thủy điện lớn	Các huyện: Chư Păh, Ia Grai, H'Drai	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
-	Các thủy điện vừa và nhỏ	Các huyện	
II	ĐIỆN GIÓ		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Điện gió Phát triển Miền núi	Huyện Chư Prông	
2	Điện gió Chế biến Tây nguyên	Huyện Chư Prông	
3	Điện gió Ia Pech	Huyện Ia Grai	
4	Điện gió Ia Pech 2	Huyện Ia Grai	
5	Điện gió Song An	Huyện An Khê	
6	Điện gió Yang Trung	Huyện Kông Chro	
7	Điện gió Chợ Long	Huyện Kông Chro	
8	Điện gió Hưng Hải Gia Lai	Huyện Kông Chro	
9	Điện gió Ia Le 1	Huyện Chư Pưh	
10	Điện gió Ia Boòng - Chư Prông	Huyện Chư Pưh	
11	Điện gió tiềm năng đề xuất triển khai*	Các huyện	
III	ĐIỆN MẶT TRỜI		Thực hiện theo Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII
1	Điện mặt trời Krông Pa 2	Huyện Krông Pa	

STT	Tên dự án	Địa điểm	Công suất
2	Điện mặt trời Trang Đức	Huyện Krông Pa	
3	Điện mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI 16 (GD2)	Huyện Krông Pa	
4	Điện mặt trời Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	
5	Điện mặt trời KN Ia Ly - Gia Lai	Huyện Chư Păh	
6	Điện mặt trời Ia Rsum - Bitexco - TôNa	Huyện Krông Pa	
7	Điện mặt trời Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	
8	Các dự án Điện mặt trời tiềm năng đề xuất quy hoạch	Các huyện	
IV	ĐIỆN SINH KHỐI, ĐIỆN RÁC		
1	Cụm Nhà máy điện sinh khối tại xã Gào	Thành phố Pleiku	
2	Nhà máy điện sinh khối Gia Lai	Huyện Chư Pưh	
3	Nhà máy điện sinh khối được kết hợp với nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm dăm gỗ, phụ phẩm cây công - nông nghiệp	Huyện Mang Yang	
4	Nhà máy điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, phế phẩm nông nghiệp	Các huyện	

Ghi chú: Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh Gia Lai.

B. LƯỚI ĐIỆN

1. Lưới điện 500kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Đường dây 500kV	
1	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch kép) Nhơn Hoà - Rẽ Pleiku - Đăk Nông dài 4km	
2	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch đơn) từ Thủy điện Ia Ly mở rộng đến Thủy điện Ia Ly dài 2km	
3	Cải tạo đường dây 500kV Thạch Mỹ - Pleiku 2 thành 02 mạch dài 199km	
4	Xây dựng mới đường dây 500kV Bình Định - Krông Buk, 02 mạch dài 216km	
5	Xây dựng mới đường dây 500kV (04 mạch) dài khoảng 0,1km từ trạm biến áp 500kV Ia Blứ đầu transits trên 2 mạch đường dây Pleiku 2 - Mỹ Phước - Cầu Bông (Chơn Thành) hiện hữu	
6	Xây dựng mới đường dây 500kV tuabin khí miền Trung - Krông Buk dài 97km	
7	Xây dựng mới đường dây 500 kV từ trạm biến áp 500kV Mang Yang đến trạm biến áp 500kV Pleiku/trạm biến áp 500kV Pleiku 2 dài 50km	
8	Xây dựng mới đường dây 500kV từ trạm biến áp 500kV Mang Yang đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Tuabine khí miền Trung - Krông Buk dài 70km	Tạo liên kết mạch vòng, đảm bảo an toàn hệ thống lưới điện.
9	Dự phòng phát sinh các đường dây 500kV (xây dựng mới, cải tạo) dài 200km	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đầu nối các dự án nguồn điện
II	Trạm biến áp 500kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Nhơn Hoà công suất 2x900MVA	Giai đoạn 2024 - 2025, dự kiến lắp trước 01 máy biến áp công suất 900MVA
2	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 500kV Pleiku 2 công suất từ (450+900)MVA lên 2x900MVA	Nâng công suất 01 máy biến áp từ 450MVA lên 900MVA

STT	Hạng mục	Ghi chú
3	Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Ia Blứ công suất 3x900MVA	Trước mắt lắp trước 01 máy biến áp công suất 900MVA, dự phòng 02 máy biến áp 500kV (công suất mỗi máy 900MVA) để đấu nối các dự án năng lượng tái tạo
4	Xây dựng mới trạm biến áp Mang Yang, công suất 2x900MVA	Giai đoạn 1 lắp trước 1 máy biến áp 500kV công suất 900MVA để đấu nối các dự án năng lượng tái tạo
5	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 500kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 900MVA	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

2. Lưới điện 220kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Đường dây 220kV	
1	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch kép) Kon Tum - Pleiku dài 36km	Cải tạo, nâng khả năng tải
2	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch đơn) Pleiku - Điện sinh khối An Khê - Thủy điện An Khê dài 98km	Cải tạo, nâng khả năng tải
3	Xây dựng mới, cải tạo đường dây 220kV mạch 2 Pleiku 2 - Krông Buk dài 141km	Xây mới, cải tạo 01 mạch thành 02 mạch
4	Xây mới đường dây 220kV (04 mạch) Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông dài 2km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV Chư Sê, chuyển tiếp trên cả 02 mạch
5	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Krông Pa - Chư Sê dài 63km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV Krông Pa
6	Xây dựng mới đường dây 220kV (4 mạch) từ Điện gió Nhơn Hòa 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 dài 4km	Xây mới, đấu nối nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1, 2

STT	Hạng mục	Ghi chú
7	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Pét Đak Đoa - Pleiku 3 dài 23km	Xây mới, đồng bộ điện gió Ia Pét - Đak Đoa
8	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2 dài 6km	Xây mới, đồng bộ điện gió Ia Le 1
9	Xây dựng mới đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông - Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 1 dài 8km	Xây mới, đồng bộ với Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông
10	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 14km	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai
11	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Nhà máy điện gió Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 25km	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện gió Yang Trung
12	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) An Khê - Rẽ Pleiku 2 - Phước An dài 1km	Xây mới, đấu nối trạm biến áp 220kV An Khê
13	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Gia Lai 1 - Pleiku 3 dài 20km	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
14	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Pleiku 2 - Phước An (1 mạch) dài 151km	Xây mới mạch 2 hoặc thay dây dẫn siêu nhiệt
15	Dự phòng phát sinh các đường dây 220kV (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 360km	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện
II	Trạm biến áp 220kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Chư Sê công suất 250MVA	
2	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV An Khê công suất 250MVA	
3	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Krông Pa công suất 250MVA	
4	Xây dựng mới trạm biến áp Pleiku 2 500kV nối cấp 250MVA	
5	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Gia Lai 1 công suất 250MVA	Xây mới đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

STT	Hạng mục	Ghi chú
6	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 220kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 500MVA	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

3. Lưới điện 110kV

STT	Hạng mục	Ghi chú
I	Danh mục đường dây 110kV	
1	Đấu nối trạm biến áp 110kV Đăk Đoa (mạch kép) dài 1km	Chuyển tiếp trên đường dây từ trạm biến áp 500kV Pleiku - Mang Yang
2	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) dài 35km từ trạm biến áp 220kV Pleiku - trạm biến áp 110kV Ia Grai	Đấu nối vào thanh cái 110kV trạm biến áp 220kV Pleiku (đã đưa vào vận hành tháng 10 năm 2021).
3	Đấu nối trạm biến áp 110kV Chư Păh (mạch kép) dài 2km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV trạm biến áp 500kV Pleiku - Kon Tum
4	Đấu nối trạm biến áp 110kV Trà Đa (mạch kép) dài 6km	Chuyển tiếp trên đường dây từ trạm biến áp 500kV Pleiku - Mang Yang
5	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) dài 8km từ trạm biến áp 110kV Trà Đa - trạm biến áp 110kV Pleiku	
6	Xây dựng mới đường dây 110kV An Khê - Đăk Pơ (mạch đơn) dài 20km	
7	Xây dựng mới đường dây 110kV Mang Yang - Đăk Pơ (mạch đơn) dài 42km	
8	Xây dựng mới đường dây 110kV Krông Pa - Sơn Hòa (mạch kép) dài 34km	Kết nối với tỉnh Phú Yên
9	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm biến áp 110kV Phú Thiện (mạch kép) dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Pưh - Nhiệt Điện Bã Mía (phân pha đồng bộ dây dẫn đồng trục)
10	Xây dựng mới nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Bờ Ngoong (mạch kép) dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Thủy điện H'Mun - Chư Sê
11	Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm biến áp 110kV Tây Pleiku (mạch kép)	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Diên Hồng -

STT	Hạng mục	Ghi chú
	dài 2km	Chur Sê (phân pha đồng bộ trực chính)
12	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Chur Sê dài 17km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chur Sê - Chur Prông
13	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Chur Sê dài 3km	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chur Sê - Chur Puh
14	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm 220kV Chur Sê - trạm biến áp 110kV Chur Sê dài 18km	Đầu nối trên đường dây 110kV Chur Sê - Diên Hồng
15	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2 dài 1,5km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đăk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa - Krông Pa (Quyết định số 423/QĐ-BCT ngày 31/01/2018). Khi TBA 220kV Krông Pa được triển khai đầu tư, nghiên cứu chuyển đầu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220kV Krông Pa bằng đường dây 110kV xây dựng mới dài 4,5km (tùy theo tình hình thực tế của dự án và hệ thống điện).
16	Xây dựng mạch 2 đường dây 110kV Ayun Pa - Đăk Srông 3B dài 26km.	
17	Cải tạo đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối nhà máy thủy điện Đăk Srông dài 5km.	Xoá chữ T
18	Xây dựng mới đường dây 110kV đầu nối trạm biến áp 110kV Kông Chro (mạch kép) dài 0,5km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đăk Srông - An Khê
19	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV An Khê dài 8km.	Đầu nối thanh cái trạm biến áp 110kV An Khê
20	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV An Khê dài 8km.	Chuyển tiếp trên đường Dây An Khê - Đak Pơ
21	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV An Khê - Kông Chro dài 5km.	
22	Xây dựng mới đường dây 110kV Lê Thanh	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	- Đúc Cơ (mạch đơn) dài 20km.	
23	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Pleiku 2 dài 2km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Diên Hồng - Chư Sê
24	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Pleiku 2 dài 28km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Ia Grai - Đúc Cơ
25	Treo dây mạch 2 đường dây 110kV Ayun Pa - EaHleo dài 38km	
26	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) Phú An - Trạm biến áp 220kV An Khê dài 5km.	
27	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ trạm biến áp 110kV Đăk Trôi dài 10km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Phú Thiện
28	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) đầu nối trạm biến áp 110kV Thăng Hưng dài 12km.	Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Chư Prông - Đúc Cơ
29	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) Pleime - Chư Prông dài 16km.	Giai đoạn 1 treo trước 01 mạch
30	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch kép) từ trạm biến áp 220kV Krông Pa dài 3,5km đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110kV nhà máy thủy điện Đăk Srông 3B - nhà máy điện mặt trời Krông Pa	
31	Xây dựng mới đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Krông Pa dài 15km đầu nối vào trạm biến 110kV Krông Pa	
32	Xây dựng mới đường dây 110kV nhà máy điện gió Cửu An - trạm biến áp 220kV An Khê (mạch đơn) dài 9km.	Theo Biên bản làm việc ngày 06/4/2022 giữa Công ty Điện lực Gia Lai, Công ty Cổ phần Điện Gió Cửu An và Công ty Cổ phần Điện gió Song An.
33	Cải tạo đường dây 110kV trạm biến áp 500kV Pleiku - Kon Tum (mạch kép) dài 32km.	
34	Cải tạo đường dây 110kV (mạch đơn) trạm biến áp 110kV Chư Păh - Nhà máy thủy điện Đăk Đoa dài 5km.	Xoá đầu nối chữ T nhà máy thủy điện Đăk Đoa
35	Cải tạo đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Chư Pưh -	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	Nhiệt điện bã mía Gia Lai - Ayun Pa dài 67km	
36	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 500kV Pleiku - trạm biến áp 110kV Pleiku dài 8km.	
37	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm biến áp 220kV Chư Sê - Diên Hồng và các nhánh rẽ dài 40km.	Phân pha bao gồm các rẽ nhánh vào các nhà máy điện gió
38	Dự phòng phát sinh các đường dây 110kV (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 300km.	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện
II	Danh mục trạm biến áp 110kV	
1	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Trà Đa công suất 40MVA	
2	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Tây Pleiku công suất 63MVA	
3	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đak Đoa công suất 40MVA	
4	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Chư Păh công suất 40MVA	
5	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Puh từ 40MVA lên 2x40MVA	
6	Nâng công suất trạm biến áp 110kV An Khê từ (25+40)MVA lên (63+40)MVA	
7	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đak Pơ công suất 40MVA; giai đoạn 2031-2050 nâng công suất trạm biến áp 110kV Đak Pơ từ 40MVA lên 2x63MVA	
8	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Krông Pa từ 25MVA lên (25+40)MVA	
9	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú Thiện công suất 40MVA	
10	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Bờ Ngoong công suất 40MVA	
11	Xây dựng mới trạm biến áp điện mặt trời Krông Pa 2 công suất 2x25MVA, 22/110kV	Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và PTNL Thành Nguyên (chủ đầu tư) đang triển khai thi công
12	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Pleiku từ 2x40MVA lên 2x63MVA	
13	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Mang	

STT	Hạng mục	Ghi chú
	Yang từ (25+40)MVA lên (63+40)MVA	
14	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Kông Chro công suất 25MVA	
15	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Phú An công suất 40MVA	
16	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ia Pa công suất 40MVA	
17	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Lệ Thanh công suất 40MVA	
18	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Pleime công suất 40MVA	
19	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Đăk Trôi công suất 40MVA	
20	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Thăng Hưng công suất 40MVA	
21	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV Ia Kha công suất 2x40MVA	
22	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Ayun Pa từ 2x25MVA lên (25+63)MVA	
23	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Đức Cơ từ (25+40)MVA lên (63+40)	
24	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Diên Hồng từ (40+63)MVA lên 2x63MVA	
25	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Prông từ (16+25)MVA lên (40+25)	
26	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Ia Grai từ 25MVA lên (25+40)	
27	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Chư Sê từ 2x25MVA lên (40+25)	
28	Nâng công suất trạm biến áp 110kV Kbang từ 25MVA lên (25+40)	
29	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp 110kV (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 1600MVA.	Phục vụ cho tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

4. Lưới điện trung và hạ áp

a) Đường dây trung áp

STT	Danh mục đường dây trung áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 1450km đường dây	

	trung áp.	
2	Dự phòng phát sinh các đường dây trung áp (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 300km.	Tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

b) Trạm biến áp trung áp

STT	Danh mục trạm biến áp trung áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 2610 trạm biến áp với tổng công suất 835MVA.	
2	Dự phòng phát sinh các trạm biến áp trung áp (xây dựng mới, cải tạo nâng công suất) với tổng công suất 250MVA.	Tăng trưởng phụ tải và đấu nối các dự án nguồn điện

c) Đường dây hạ áp

STT	Danh mục công trình đường dây hạ áp	Ghi chú
1	Xây dựng mới, cải tạo 6320km đường dây hạ áp.	
2	Dự phòng phát sinh các đường dây hạ áp (xây dựng mới, cải tạo) với chiều dài 1500km	

d) Trạm sạc điện

STT	Danh mục công trình	Số lượng	Công suất	Ghi chú
1	Trạm sạc điện chuyên dụng cho phương tiện xe điện	400 Trạm	60 MVA	

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và các tuyến đường dây phải căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.



Phụ lục XIV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng

Chính phủ)

STT	Khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (tấn/ngđ)
1	Nhà máy xử lý rác thải	Thành phố Pleiku	400
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	200
3	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đak Pơ	Huyện Đak Pơ	30
4	Nhà máy xử lý chất thải rắn Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	150
5	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đrúc Cơ	Huyện Đrúc Cơ	30
6	Khu xử lý chất thải rắn huyện Chư Păh	Huyện Chư Păh	20
7	Khu xử lý chất thải rắn huyện Kông Chro	Huyện Kông Chro	20
8	Nhà máy xử lý chất thải rắn Chư Prông	Huyện Chư Prông	150
9	Khu xử lý chất thải rắn huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	25
10	Nhà máy xử lý rác thải nguy hại Ia Grai	Huyện Ia Grai	200
11	Khu xử lý chất thải rắn huyện Chư Puh	Huyện Chư Puh	25
12	Khu xử lý chất thải rắn huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	20
13	Khu xử lý chất thải rắn huyện Ia Pa	Huyện Ia Pa	20
14	Nâng cấp nhà máy xử lý rác thải Chư Sê	Huyện Chư Sê	200
15	Nâng cấp nhà máy xử lý chất thải rắn An Khê	Thị xã An Khê	150
16	Khu xử lý chất thải rắn huyện Kbang	Huyện Kbang	25
17	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	30
18	Các khu xử lý chất thải rắn khác	Các huyện, thị xã	85 ha

Ghi chú: Tên, vị trí, diện tích, công suất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

PHỤ LỤC XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất (ha)
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thị xã	Thị xã Ayun Pa	30,0
2	Xây mới Công viên văn hoá Vĩnh Hằng	Huyện Ia Grai	42,5
3	Xây mới nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Kông Chro	12,0
4	Mở rộng nghĩa trang thành phố	Thành phố Pleiku	56,0
5	Xây mới công viên nghĩa trang	Thị xã An Khê	10,0
6	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Đức Cơ	10,0
7	Xây mới nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Chư Puh	10,0
8	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Krông Pa	11,0
9	Xây mới nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Đak Pơ	11,0
10	Xây mới nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Chư Sê	10,0
11	Mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện	Huyện Kbang	10,0
12	Xây mới Nhà tang lễ thị xã An Khê	Thị xã An Khê	
13	Xây mới Nhà hoả táng thành phố	Thành phố Pleiku	

Ghi chú: Tên, vị trí, diện tích, công suất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

PHỤ LỤC XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Dự án – Công trình	Quy mô tối thiểu (giường bệnh)	Địa điểm
A	Cơ sở y tế tuyến tỉnh		
1	Xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh		Thành phố Pleiku
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1200	Thành phố Pleiku
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (và Điều dưỡng)	170	Thành phố Pleiku
4	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	100	Thành phố Pleiku
5	Bệnh viện 331	200	Thành phố Pleiku
6	Bệnh viện Tâm thần kinh	80	Thành phố Pleiku
7	Bệnh viện Sản - Nhi (trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Nhi và Khôỉ phụ sản Bệnh viện Nhi)	480	Thành phố Pleiku
8	Khoa Ung bướu (hoặc thành lập Bệnh viện Ung bướu)	100	Thành phố Pleiku
9	Khoa Tim mạch (hoặc thành lập Bệnh viện Tim mạch)	100	Thành phố Pleiku
10	Khoa Nội tiết (hoặc thành lập Bệnh viện Nội tiết)	100	Thành phố Pleiku
11	Trung tâm cấp cứu 115		Thành phố Pleiku.
12	Bệnh viện đa khoa Quốc tế	1000	Thành phố Pleiku
B	Cơ sở y tế tuyến huyện		
1	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	350	Thành phố Pleiku
2	Trung tâm Y tế thị xã An Khê	300	Thị xã An Khê
3	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	200	Thị xã Ayun Pa
4	Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ	150	Huyện Đức Cơ

STT	Dự án – Công trình	Quy mô tối thiểu (giường bệnh)	Địa điểm
5	Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	150	Huyện Chư Sê
6	Bệnh viện Chư Sê (xã hội hoá)	150	Huyện Chư Sê
7	Trung tâm Y tế huyện Chư Pưh	70	Huyện Chư Pưh
8	Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	70	Huyện Đak Pơ
9	Trung tâm Y tế huyện Chư Prông	80	Huyện Chư Prông
10	Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	80	Huyện Mang Yang
11	Trung tâm Y tế huyện Đak Đoa	120	Huyện Đak Đoa
12	Trung tâm Y tế huyện Krông Pa	110	Huyện Krông Pa
13	Trung tâm Y tế huyện Kông Chro	90	Huyện Kông Chro
14	Trung tâm Y tế huyện Ia Pa	90	Huyện Ia Pa
15	Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	110	Huyện Phú Thiện.
16	Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	90	Huyện Chư Păh
17	Trung tâm Y tế huyện Kbang	150	Huyện Kbang
18	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	80	Huyện Ia Grai
C	Cơ sở y tế ngoài công lập		
1	Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh - Gia Lai	400	Thành phố Pleiku
2	Bệnh viện Mắt cao Nguyên	100	Thành phố Pleiku
3	Bệnh viện Hùng Vương Gia Lai	300	Thành phố Pleiku
4	Bệnh viện Mắt quốc tế Sài Gòn - Gia Lai	70	Thành phố Pleiku
5	Các bệnh viện ngoài công lập khác		Toàn tỉnh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Số lượng tối thiểu	Địa điểm
A	Giáo dục Phổ thông		
	Trường THPT	61	
-	Trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập	10	Tại huyện, thị xã, thành phố
-	Trung học phổ thông công lập	41	Tại huyện, thị xã, thành phố
-	Tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ngoài công lập	3	
-	Trung học cơ sở và trung học phổ thông ngoài công lập	4	Thành phố Pleiku và thị xã An Khê
-	Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông	2	
-	Phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	Thị xã Ayun Pa
B	Giáo dục thường xuyên - Giáo dục hòa nhập		
-	Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	1	Thành phố Pleiku
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện	12	12 huyện, thị xã, thành phố
-	Trung tâm học tập cộng đồng	220	Toàn tỉnh
-	Trung tâm ngoại ngữ, tin học	50	Toàn tỉnh
-	Trung tâm giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật	02	Thành phố Pleiku hoặc thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và huyện Đak Đoa
C	Giáo dục nghề nghiệp		
1	Giáo dục nghề nghiệp công lập		
-	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp hiện có	13	12 huyện/thị xã và thành phố Pleiku

STT	Danh mục	Số lượng tối thiểu	Địa điểm
-	Giáo dục nghề nghiệp công lập mới		
2	Ngoài công lập		
-	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có	04	Thành phố Pleiku và huyện Phú Thiện
-	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành lập mới	02-03	Toàn tỉnh
D	Giáo dục Đại học	04 phân hiệu đại học	
1	Phân hiệu Đại học hiện có	03	Thành phố Pleiku
2	Phân hiệu Đại học mở thêm trong giai đoạn 2021 - 2030	01	Thành phố Pleiku

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN
CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, LOGISTICS
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, CHỢ ĐẦU MỐI (HẠNG I)

STT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm thương mại Pleiku	Thành phố Pleiku
2	Chợ đầu mối Pleiku	Thành phố Pleiku
3	Trung tâm thương mại, triển lãm, chợ, siêu thị	Toàn tỉnh

II. TRUNG TÂM LOGISTICS

STT	Tên công trình	Phân hạng	Địa điểm dự kiến
	Công trình xây dựng mới		
1	Trung tâm kho vận quốc tế Logistics Tây Nguyên	Hạng II	Huyện Mang Yang

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.



Phụ lục XIX
CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Theo phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch đến năm 2030 theo nhu cầu của tỉnh
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.400.525	1.420.559	1.420.396
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa. Trong đó:	LUA	66.492	62.637	62.637
	Đất chuyên trồng lúa nước (từ 2 vụ lúa trở lên)	LUC	36.314	40.065	40.065
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	439.468		386.952
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	112.487	150.375	150.375
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	57.596	82.208	82.208
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	382.041	482.014	482.014
	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	342.453	352.034	352.034
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	108.790	122.546	122.709
	Trong đó:		0		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12.530	9.341	9.341
2.2	Đất an ninh	CAN	3.735	4.037	4.199
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	441	651	651
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	188		1.737
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	367		1.011
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	934		1.346
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động	SKS	160		1.878

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Theo phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch đến năm 2030 theo nhu cầu của tỉnh
	khoáng sản				
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	41.774	54.504	54.504
	Trong đó:		0		
	Đất giao thông	DGT	20.283	23.432	23.432
	Đất thủy lợi	DTL	5.972		7.044
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	88	103	103
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	133	171	171
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	1.122	1.366	1.366
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	581	685	685
	Đất công trình năng lượng	DNL	13.505	21.350	21.350
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	15	35	35
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0	8	8
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	49	68	68
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	90	146	146
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	173		250
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1.673		2.006
2.14	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	7		357
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	12.350		14.029
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	4.742		6.151
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	347		513
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	126		160

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Theo phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg	Quy hoạch đến năm 2030 theo nhu cầu của tỉnh
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN	0		0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	41.698	7.908	7.908
-	KHU CHỨC NĂNG (*)				
1	Đất khu kinh tế	KKT	41.515	41.515	41.515
2	Đất đô thị	KDT	47.769	51.341	51.341
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	475.783		427.017
4	Khu lâm nghiệp	KLN	552.123		714.597
5	Khu du lịch	KLD			15.232
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	57.596		82.208
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	629		2.388
8	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	367		1.011
9	Khu dân cư nông thôn	DNT	54.391		55.429

(*) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Việc triển khai các dự án sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021 - 2025) đã phân bổ cho các địa phương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.



Phụ lục XX

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu bảo tồn	Phân loại	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)	Phân kỳ	Ghi chú
1	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh (*)	Cấp tỉnh	Huyện Kbang	41.913,78	2021-2025	Chuyển tiếp
2	Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng (*)	Cấp tỉnh	Huyện Kbang	41.479,42	2021-2025	Mở rộng
3	Khu dự trữ thiên nhiên Chư Mố (*)	Cấp tỉnh	Các huyện: Ia Pa, Kông Chro	42.846,04	2030-2050	
4	Vùng đất ngập nước quan trọng hồ Biển Hồ	Cấp tỉnh	Các huyện: Đak Đoa, Chư Păh và Thành phố Pleiku	602,46	2021-2025	
5	Vùng đất ngập nước quan trọng hồ Ia Ly	Cấp tỉnh	Huyện Chư Păh	7.318,5	2025-2030	
6	Vùng đất ngập nước quan trọng hồ Ayun Hạ	Cấp tỉnh	Các huyện: Phú Thiện, Chư Sê	3.949,6	2025-2030	
7	Vùng đất ngập nước quan trọng sông Sê San - hồ Ia Ly	Cấp tỉnh	Các huyện: Chư Păh, Ia Grai	4.968,04	2025-2030	
8	Vườn thực vật Kon Chư Răng	Cấp tỉnh	Huyện Kbang	100	2021-2030	
9	Trung tâm cứu hộ động vật Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Cấp tỉnh	Huyện Kbang	50	2021-2030	
10	Khu cảnh quan thiên nhiên quan trọng Kon Hà Nừng	Cấp tỉnh	Các huyện: Kbang, Đak Đoa, Mang Yang	413.511,67	2021-2030	

Ghi chú: (*) Các khu bảo tồn cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050



Phụ lục XXI
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC
VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021 - 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Loại khoáng sản	Địa điểm khu vực mỏ	Tổng số lượng mỏ
A	CÁC KHU VỰC MỎ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN		
I	Quặng sắt		3
1	Quặng sắt	Huyện Kbang	3
II	Quặng chì - kẽm		1
1	Quặng chì - kẽm	Huyện Ia Pa	1
III	Quặng Fluorit		2
1	Quặng Fluorit	Huyện Phú Thiện	1
2	Quặng Fluorit	Huyện Chư Pưh	1
IV	Đá ốp lát		11
1	Đá granít ốp lát	Huyện Phú Thiện	1
2	Đá granít ốp lát	Huyện Chư Păh	2
3	Đá granít ốp lát	Huyện Chư Pưh	2
4	Đá granít ốp lát	Huyện Kông Chro	4
5	Đá granít ốp lát	Huyện Krông Pa	1
6	Đá granít ốp lát	Huyện Chư Sê	1
V	Đá xây dựng		39
1	Đá bazan xây dựng	Huyện Chư Sê	8
2	Đá bazan xây dựng	Huyện Đức Cơ	2
3	Đá bazan xây dựng	Thành phố Pleiku	3
4	Đá granít xây dựng	Thị xã An Khê	2
5	Đá bazan xây dựng	Huyện KBang	2
6	Đá bazan xây dựng	Huyện Chư Pư	4
7	Đá bazan xây dựng	Huyện Chư Păh	3
8	Đá bazan xây dựng	Huyện Mang Yang	2
9	Đá bazan xây dựng	Huyện Ia Grai	4

STT	Loại khoáng sản	Địa điểm khu vực mỏ	Tổng số lượng mỏ
10	Đá bazan xây dựng	Huyện Chư Prông	2
11	Đá granít xây dựng	Huyện Đak Pơ	1
12	Đá bazan xây dựng	Huyện Kông Chro	4
13	Đá bazan xây dựng	Huyện Đak Đoa	2
VI	Than bùn		3
1	Than bùn	Huyện Chư Sê	1
2	Than bùn	Huyện Chư Prông	1
3	Than bùn	Huyện Ia Grai	1
VII	Cát xây dựng		48
1	Cát xây dựng	Huyện Chư Păh	6
2	Cát xây dựng	Huyện Phú Thiện	9
3	Cát xây dựng	Huyện Mang Yang	5
4	Cát xây dựng	Huyện Krông Pa	5
5	Cát xây dựng	Huyện Ia Pa	4
6	Cát xây dựng	Huyện Chư Sê	3
7	Cát xây dựng	Huyện Ia Grai	2
8	Cát xây dựng	Huyện Kông Chro	4
9	Cát xây dựng	Thị xã An Khê	1
10	Cát xây dựng	Huyện Kbang	4
11	Cát xây dựng	Huyện Ia Pa	1
12	Cát xây dựng	Huyện Chư Prông	3
13	Cát xây dựng	Thị xã Ayun Pa	1
14	Cát xây dựng	Huyện Đak Đoa	1
15	Cát xây dựng	Huyện Phú Thiện	1
VIII	Đất sét làm gạch		9
1	Đất sét làm gạch	Huyện Phú Thiện	2
2	Đất sét làm gạch	Thị xã Ayun Pa	2
3	Đất sét làm gạch	Huyện Đak Pơ	1
4	Đất sét làm gạch	Thị xã An Khê	3
5	Đất sét làm gạch	Huyện Krông Pa	1

STT	Loại khoáng sản	Địa điểm khu vực mỏ	Tổng số lượng mỏ
IX	Đất san lấp		12
1	Đất san lấp	Huyện Phú Thiện	1
2	Đất san lấp	Huyện Chư Sê	2
3	Đất san lấp	Thị xã Ayun Pa	1
4	Đất san lấp	Huyện Krông Pa.	2
5	Đất san lấp	Huyện Chư Prông	2
6	Đất san lấp	Huyện Chư Păh	1
7	Đất san lấp	Huyện Đức Cơ	1
8	Đất san lấp	Huyện Ia Pa	1
9	Đất san lấp	Huyện Kbang	1
B	CÁC KHU VỰC MỎ KHOÁNG SẢN BỔ SUNG TÍCH HỢP VÀO QUY HOẠCH		
I	Tổng mỏ đá ốp lát		5
1	Đá ốp lát	Huyện Ia Grai	1
2	Đá ốp lát	Huyện KBang	2
3	Đá ốp lát	Huyện Kông Chro	1
4	Đá ốp lát	Huyện Krông Pa	1
II	Tổng mỏ đá xây dựng thông thường		94
1	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Thành phố Pleiku	4
2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Thị xã Ayun Pa	2
3	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Thị xã An Khê	2
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Chư Păh	10
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Ia Grai	12
6	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Đak Đoa	4
7	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Mang Yang	6
8	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Đak Pơ	8
9	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện KBang	3
10	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Kông Chro	7
11	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Krông Pa	5
12	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Chư Sê	11

STT	Loại khoáng sản	Địa điểm khu vực mỏ	Tổng số lượng mỏ
13	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Chư Puh	11
14	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Chư Prông	8
15	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Huyện Đức Cơ	1
III	Tổng mỏ cát xây dựng		86
1	Cát xây dựng	Thị xã Ayun Pa	3
2	Cát xây dựng	Huyện Chư Păh	15
3	Cát xây dựng	Huyện Ia Grai	7
4	Cát xây dựng	Huyện Đak Đoa	2
5	Cát xây dựng	Huyện Mang Yang	6
6	Cát xây dựng	Huyện Đak Pơ	9
7	Cát xây dựng	Huyện KBang	4
8	Cát xây dựng	Huyện Kông Chro	6
9	Cát xây dựng	Huyện Ia Pa	7
10	Cát xây dựng	Huyện Krông Pa	16
11	Cát xây dựng	Huyện Phú Thiện	7
12	Cát xây dựng	Huyện Chư Prông	3
13	Cát xây dựng	Thị xã An Khê	1
IV	Tổng mỏ đất san lấp		309
1	Đất san lấp	Thành phố Pleiku	5
2	Đất san lấp	Thị xã Ayun Pa	6
3	Đất san lấp	Thị xã An Khê	18
4	Đất san lấp	Huyện Chư Păh	24
5	Đất san lấp	Huyện Ia Grai	20
6	Đất san lấp	Huyện Đak Đoa	18
7	Đất san lấp	Huyện Mang Yang	25
8	Đất san lấp	Huyện Đak Pơ	21
9	Đất san lấp	Huyện KBang	35
10	Đất san lấp	Huyện Kông Chro	21
11	Đất san lấp	Huyện Ia Pa	12
12	Đất san lấp	Huyện Krông Pa	25

STT	Loại khoáng sản	Địa điểm khu vực mỏ	Tổng số lượng mỏ
13	Đất san lấp	Huyện Phú Thiện	9
14	Đất san lấp	Huyện Chư Sê	6
15	Đất san lấp	Huyện Chư Puh	14
16	Đất san lấp	Huyện Chư Prông	39
17	Đất san lấp	Huyện Đức Cơ	11
V	Tổng mỏ đất sét làm gạch		42
1	Đất sét làm gạch	Thị xã Ayun Pa	4
2	Đất sét làm gạch	Thị xã An Khê	10
3	Đất sét làm gạch	Huyện Mang Yang	2
4	Đất sét làm gạch	Huyện Đak Pơ	10
5	Đất sét làm gạch	Huyện Phú Thiện	10
6	Đất sét làm gạch	Huyện Chư Prông	2
7	Đất sét làm gạch	Huyện Chư Păh	1
8	Đất sét làm gạch	Huyện Kbang	1
9	Đất sét làm gạch	Huyện Kông Chro	1
10	Đất sét làm gạch	Huyện Đak Đoa	1
VI	Tổng mỏ than bùn		3
1	Than bùn	Huyện Ia Grai	1
2	Than bùn	Huyện Chư Sê	1
3	Than bùn	Huyện Chư Prông	1

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục XXII
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN
TỈNH GIA LAI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ)

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
A	DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN			
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI VÙNG			
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) (đoạn qua tỉnh Gia Lai dài khoảng 97 km) gồm 2 đoạn: - Ngọc Hồi (Kon Tum) - Pleiku (tỉnh Gia Lai). - Pleiku (tỉnh Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk)	Tỉnh Gia Lai	NSNN và các nguồn huy động khác	2021-2030
2	Đoạn tuyến cao tốc Quy Nhơn Pleiku (CT.02), đoạn qua tỉnh Gia Lai dài 104 km	Tỉnh Gia Lai	NSNN và các nguồn huy động khác	2021-2030
3	Mở rộng Cảng hàng không Pleiku	Tỉnh Gia Lai	NSNN và các nguồn huy động khác	2021-2030
4	Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (QL.19)	Tỉnh Gia Lai	NSNN	2021-2030
5	Dự án cải tạo nâng cấp QL.19 đoạn Km90 - Km108 thuộc tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	NSNN	2021-2030
6	Cải tạo nâng cấp các đoạn xung yếu trên QL.25 đoạn qua địa bàn tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	NSNN	2021-2030
7	QL.14C	Tỉnh Gia Lai	NSNN	2021-2030
8	QL.19E	Thị xã An Khê, huyện Kông Chro	NSNN	2021-2030
9	Xây dựng 02 cảng cạn: Nam Pleiku diện tích 10 ha, Lệ Thanh diện tích 10 ha	Thành phố Pleiku, huyện	XHH	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
		Đức Cơ		
II.	DANH MỤC XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP CÁC HỒ, ĐẬP			2021-2030
1	Hệ thống kênh mương hồ Ia Mơ	Huyện Chư Prông	NSNN	2021-2030
2	Hồ chứa nước Ia Thul	Huyện Ia Pa	NSNN	2021-2030
3	Hệ thống kết nối điều hoà nguồn nước đập dâng Thượng Ayun + hồ Đăk Ptó	Huyện Mang Yang	NSNN	2021-2030
III.	DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỆN			
1	Thủy điện Ia Ly mở rộng	Huyện Sa Thầy (tỉnh Kon Tum), huyện Chư Păh	DNNN	2021-2030
2	Thủy điện Sê San 3 mở rộng		DNNN	2021-2030
3	Thủy điện Sê San 4 mở rộng		DNNN	2021-2030
4	Thủy điện Sê San 3A mở rộng		DNNN	2021-2030
5	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch kép) Nhơn Hoà - Rẽ Pleiku - Đăk Nông		DNNN	2021-2030
6	Xây dựng mới đường dây 500kV (mạch đơn) từ Thủy điện Ia Ly mở rộng đến Thủy điện Ia Ly		DNNN	2021-2030
7	Cải tạo đường dây 500kV Thạch Mỹ - Pleiku 2 thành 02 mạch		DNNN	2021-2030
8	Xây dựng mới đường dây 500kV Bình Định - Krông Buk, 02 mạch		DNNN	2021-2030
9	Xây dựng mới TBA 500kV Nhơn Hoà		DNNN	2021-2030
10	Cải tạo, nâng công suất trạm biến áp 500kV Pleiku 2 công suất từ (450+900)MVA lên 2x900MVA		DNNN	2021-2030
11	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch kép) Kon Tum - Pleiku		DNNN	2021-2030
12	Nâng khả năng tải đường dây 220kV (mạch đơn) Pleiku – Điện sinh khối An Khê - Thủy điện An Khê		DNNN	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
13	Xây dựng mới, cải tạo đường dây 220kV mạch 2 Pleiku 2 - Krông Buk		DNNN	2021-2030
14	Xây mới đường dây 220kV (04 mạch) Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk		DNNN	2021-2030
15	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Krông Pa – Chư Sê		DNNN	2021-2030
16	Xây dựng mới đường dây 220kV (4 mạch) từ Điện gió Nhơn Hòa 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2		DNNN	2021-2030
17	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Pết Đak Đoa - Pleiku 3		DNNN	2021-2030
18	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2		DNNN	2021-2030
19	Xây dựng mới đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Ia Boông - Chư Prông - Điện gió Nhơn Hòa 1		DNNN	2021-2030
20	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Điện gió Hưng Hải Gia Lai - Rẽ Pleiku 2 - Phước An		DNNN	2021-2030
21	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) từ Nhà máy điện gió Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - Phước An		DNNN	2021-2030
22	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) An Khê - Rẽ Pleiku 2 - Phước An		DNNN	2021-2030
23	Xây dựng mới đường dây 220kV (mạch kép) Gia Lai 1 - Pleiku 3		DNNN	2021-2030
24	Nâng khả năng tải đường dây 220kV Pleiku 2 - Phước An (1 mạch)		DNNN	2021-2030
25	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Chư Sê		DNNN	2021-2030
26	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV An Khê		DNNN	2021-2030
27	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Krông Pa		DNNN	2021-2030
28	Xây dựng mới trạm biến áp Pleiku 2 500kV nối cấp		DNNN	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
29	Xây dựng mới trạm biến áp 220kV Gia Lai 1		DNNN	2021-2030
B	DỰ ÁN TỈNH ĐẦU TƯ			
I	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHỤC HỒI SINH THÁI			
1	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý chất thải nhựa, phát triển du lịch bền vững, bảo tồn nước và đất ngập nước	Các huyện		2021-2030
2	Dự án phục hồi cảnh quan sinh thái rừng	Huyện Kbang, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, hành lang rừng tự nhiên lưu vực sông Sê San	NSNN + XHH	2021-2030
3	Dự án trồng rừng tiêu chuẩn FSC	Các huyện: Kông Chro, Ia Pa, Krông Pa, Đak Pơ, Mang Yang	NSNN + XHH	2021-2030
4	Dự án Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Huyện Mang Yang	NSNN+ XHH	2021-2030
5	Dự án đầu tư Khu dự trữ thiên nhiên Chư Mố	Huyện Ia Pa và Kông Chro	NSNN	2021-2030
6	Dự án Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã, giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý hiếm	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	NSNN + XHH	2021-2030
7	Dự án điều tra, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
8	Chương trình nghiên cứu bảo tồn loài Tê Tê vàng - Manis pentadactyla và Tê Ja Va-Manis Javanica tại Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	XHH	2021-2030
9	Chương trình gắn chip theo dõi	Vườn quốc	XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được cứu hộ, tái thả về môi trường tự nhiên tại Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	gia Kon Ka Kinh		
10	Dự án thuộc Đề án kiểm kê quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học	Toàn tỉnh	NSNN + XHH	2021-2030
II	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ			
1	Nông nghiệp			
1.1	Chương trình xuất khẩu nông sản Gia Lai	Toàn tỉnh	NSNN +XHH	2021-2030
1.2	Dự án các vùng nguyên liệu rau an toàn, ứng dụng công nghệ cao cho nhà máy chế biến rau quả	Toàn tỉnh	XHH	2021-2030
1.3	Dự án xây dựng và phát triển các vùng sản xuất hoa, cây cảnh chuyên canh gắn với du lịch nông nghiệp	Thành phố Pleiku, các thị xã: An Khê và Ayun Pa	XHH	2021-2030
1.4	Các dự án vùng trồng các cây ăn quả (mít, thanh long, bơ, xoài, chuối, chanh dây, sầu riêng, bưởi, dứa...) và cây dược liệu (hà thủ ô, mật nhân, ba kích, đinh lăng, sâm Ngọc Linh, giống dược liệu...)	Toàn tỉnh	XHH	2021-2030
1.5	Các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao (bò sữa, bò thịt, heo)	Toàn tỉnh	XHH	2021-2030
1.6	Dự án vùng nguyên liệu cây công nghiệp ứng dụng công nghệ cao (cà phê, điều, tiêu, chè...)	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
1.7	Dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Gia Lai	Các huyện: Đak Đoa, Chư Sê	NSNN+ XHH	2021-2030
1.8	Dự án Khu Nông - Lâm nghiệp công nghệ cao	Huyện Kbang	NSNN+ XHH	2021-2030
1.9	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Toàn tỉnh	XHH	2021-2030
1.10	Dự án chăn nuôi theo mô hình nông lâm kết hợp	Các huyện: Chư Prông,	XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
		Ia Pa, Chư Puh		
1.11	Các dự án cây dược liệu (hà thủ ô, mật nhân, ba kích, đinh lăng, sâm Ngọc Linh, giống dược liệu...) theo tiêu chuẩn GACP -WHO	Các huyện: Chư Sê, Kbang	NSNN+ XHH	2021-2030
2	Công nghiệp			
2.1	Thu hút các dự án chế biến nông, lâm sản gắn vùng nguyên liệu vào các cụm công nghiệp	Các cụm công nghiệp toàn tỉnh	XHH	2021-2030
2.2	Thu hút các dự án chế biến xuất khẩu nông, lâm sản vào các khu công nghiệp	Các khu công nghiệp toàn tỉnh	XHH	2021-2030
2.3	Thu hút các dự án sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy móc, thiết bị nông nghiệp vào các khu công nghiệp	Các khu công nghiệp toàn tỉnh	XHH	2021-2030
2.4	Thu hút các dự án phát triển ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp toàn tỉnh	XHH	2021-2030
3.	Dịch vụ			
3.1	Dịch vụ thuộc Đề án kinh tế ban đêm	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
3.2	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.3	Dịch vụ logistics	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.4	Dịch vụ khoa học - công nghệ	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
3.5	Dịch vụ cung cấp năng lượng xanh	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.6	Dịch vụ giáo dục, đào tạo	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
III	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH, VĂN HÓA, THỂ THAO, Y TẾ			
1	Du lịch			
1.1	Các dự án trong Đề án trọng điểm phát triển Tuyến du lịch quốc tế “Con đường Di sản Đông Dương”	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	nối Việt Nam - Lào - Campuchia và tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây - EWEC (Con đường hữu nghị) nối Việt Nam - Lào - Thái Lan - Myanmar,...			
1.2	Dự án xây dựng sản phẩm du lịch quốc tế khu vực núi lửa Chư Đăng Ya	Huyện Chư Păh	NSNN+ XHH	2021-2030
1.3	Khu du lịch quốc gia Biển Hồ - Chư Đăng Ya	Thành phố Pleiku, huyện Chư Păh	NSNN+ XHH + FDI	2021-2030
1.4	Khu du lịch sinh thái lưu vực sông Sê San, hồ Ia Ly, sông Ba	Các huyện: Ia Grai, Chư Păh, Kbang, Đak Pơ, An Khê, Kông Chro, Ia Pa...	NSNN+ XHH	2021-2030
1.5	Khu du lịch văn hoá: Văn hóa (Jrai) - huyện Chư Prông; Văn hóa (Bahnar) - huyện Mang Yang và huyện Kbang	Các huyện: Chư Prông, Mang Yang, Kbang	NSNN+ XHH	2021-2030
1.6	Khu du lịch ngoài trời thành phố Pleiku, các huyện: Đak Đoa, Chư Păh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông và Mang Yang (Núi lửa Chư Đăng Ya, đỉnh Hàm Rồng, Biển Hồ, Ia Băng và các điểm thác Phú Cường, Bàu Cạn...)	Thành phố Pleiku và các huyện: Đak Đoa, Chư Păh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông và Mang Yang	NSNN+ XHH	2021-2030
1.7	Khu du lịch sinh thái, trải nghiệm ngoài trời, khám phá rừng (Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng)	Các huyện	NSNN+ XHH	2021-2030
1.8	Khu du lịch nông nghiệp: Trải nghiệm hệ thực vật, trải nghiệm nông trại.	Các huyện	NSNN+ XHH	2021-2030
1.9	Du lịch sinh thái hồ Ayun Hạ	Huyện Phú Thiện	NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
1.10	Dự án du lịch biên giới	Huyện Đức Cơ	NSNN+ XHH+ FDI	2021-2030
1.11	Dự án bảo tồn du lịch sinh thái	Huyện Ia Pa	NSNN+ XHH	2021-2030
1.12	Dự án hỗn hợp du lịch nghỉ dưỡng - giải trí và chăm sóc sức khỏe: khu vực phía Bắc và phía Nam thành phố Pleiku (Khu Nam Gia Lai)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
1.13	Khu du lịch văn hóa Cao Nguyên Đồi thông kết hợp đô thị sinh thái	Huyện Ia Grai và thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
1.14	Khu du lịch suối đá 2 (du lịch tâm linh kết hợp sinh thái)	Thị xã Ayun Pa	NSNN+ XHH	2021-2030
1.15	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng: Khu du lịch sinh thái Hòn đá Trái kết hợp du lịch cộng đồng làng truyền thống văn hóa dân tộc; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Thác Ia Ly; Khu du lịch sinh thái kết hợp du lịch cộng đồng Chư Don - Ia Nhi - Thơ Ga	Các huyện: Mang Yang, Chư Păh, Chư Pưh	NSNN+ XHH	2021-2030
1.16	Dự án khu du lịch bờ Đông Sông Pô Cô (bao gồm khu du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Sê San 4 và Điểm du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Thác Mơ)	Huyện Ia Grai	XHH, FDI	2021-2030
2	Văn hóa			
2.1	Dự án thuộc Đề án Quảng bá Du lịch văn hóa Công chiêng Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai	NSNN+ XHH	2021-2030
2.2	Các dự án về bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa đã được kiểm kê trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	NSNN+ XHH	2021-2030
2.3	Dự án nhà hát, trung tâm triển lãm văn hóa, nghệ thuật và thư viện tổng hợp tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
2.4	Dự án thuộc Chương trình nghiên cứu tổng thể toàn diện đối với Di tích khảo cổ Rộc Tung - Gò Đá	Thị xã An Khê	NSNN+ XHH	2021-2030
2.5	Dự án Suối đá cổ Làng Vân tại thị	Huyện	NSNN+	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	trần Ia Ly	Chư Păh	XHH	
3	Thể thao			
3.1	Dự án xây dựng một số công trình thể thao nghỉ dưỡng trọng điểm như: Xây dựng một số sân golf: sân golf ở các địa phương như Chư Prông, Ia Grai, Chư Păh, Đak Đoa (2 vị trí), thành phố Pleiku (3 vị trí); các huyện: Mang Yang, Kbang và khu vực các huyện phía Đông Nam của tỉnh.	Các huyện: Chư Prông, Chư Păh, Đak Đoa, thành phố Pleiku; các huyện: Mang Yang, Kbang, Ia Grai...	XHH	2021-2030
3.2	Nâng cấp Trung tâm thể thao Hàm Rồng	Huyện Chư Sê	XHH	2021-2030
3.3	Dự án xây dựng Khu liên hợp thể thao	Các huyện: Đak Đoa, Phú Thiện, Chư Puh và thị xã Ayun Pa	NSNN+ XHH	2021-2030
4	Y tế - Chăm sóc sức khỏe			2021-2030
4.1	Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thành phố Pleiku	NSNN	2021-2030
4.2	Dự án Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng (và Điều dưỡng)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.3	Dự án Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.4	Dự án Bệnh viện Tâm thần kinh	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.5	Dự án đầu tư Khoa Ung bướu (hoặc thành lập Bệnh viện Ung bướu)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.6	Dự án đầu tư Khoa Tim mạch (hoặc thành lập Bệnh viện Tim mạch)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.7	Dự án đầu tư Khoa Nội tiết (hoặc thành lập Bệnh viện Nội tiết)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.8	Trung tâm cấp cứu 115	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
4.9	Bệnh viện đa khoa Quốc tế	Thành phố Pleiku	XHH	2021-2030
4.10	Trung tâm Y tế Pleiku	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.11	Trung tâm Y tế thị xã An Khê	Thị xã An Khê	NSNN+ XHH	2021-2030
4.12	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	Thị xã An Khê	NSNN+ XHH	2021-2030
4.13	Nâng cấp các Trung tâm y tế cấp huyện	Các huyện	NSNN+ XHH	2021-2030
IV	NHÓM CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
1	Hạ tầng giao thông			
1.1	Đường nối Gia Lai - Phú Yên (Dự kiến chuyển thành QL19E)	Huyện Kông Chro	NSNN	2021-2030
1.2	Đường tỉnh 668	Thị xã Ayun Pa	NSNN	2021-2030
1.3	Đường tỉnh 664	Thành phố Pleiku, huyện Ia Grai	NSNN	2021-2030
1.4	Đường tỉnh 663	Huyện Chư Prông	NSNN	2021-2030
1.5	Đường tỉnh 670B	Thành phố Pleiku, huyện Đak Đoa	NSNN	2021-2030
1.6	Tuyến T1	Các huyện: Chư Sê, Chư Pưh, Chư Prông, Đúc Cơ	NSNN	2021-2030
1.7	Tuyến T2	Huyện Chư Păh	NSNN	2021-2030
1.8	Tuyến T6	Các huyện: Đak Đoa, Mang Yang, Kông Chro	NSNN	2021-2030
1.9	Đường Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê	Thành phố Pleiku, các huyện: Đak	NSNN	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
		Đoà, Chư Sê		
1.10	Đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đak Đoa	Thành phố Pleiku, huyện Đak Đoa,	NSNN	2021-2030
1.11	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh QL.19)	Thành phố Pleiku	NSNN có hỗ trợ mục tiêu của tỉnh, NSĐP	2021-2030
1.12	Đường hành lang kinh tế phía Tây	Thành phố Pleiku	NSNN có hỗ trợ mục tiêu của tỉnh, NSĐP	2021-2030
1.13	Dự án đường kết nối từ Quốc lộ 19 đi đường Hồ Chí Minh (đoạn Lý Thường Kiệt - Ngô Quyền, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	NSNN có hỗ trợ mục tiêu của tỉnh, NSĐP	2021-2030
1.14	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lê Duẩn)	Thành phố Pleiku	NSNN có hỗ trợ mục tiêu của tỉnh, NSĐP	2021-2030
1.15	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Trường Lâm nghiệp)	Thành phố Pleiku	NSĐP	2021-2030
1.16	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), Tp. Pleiku	Thành phố Pleiku	NSĐP	2021-2030
1.17	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường Lê Duẩn - đường Trần Văn Bình), thành phố Pleiku	Thành phố Pleiku	NSĐP	2021-2030
1.18	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp đường Ngô Quyền	Thành phố Pleiku	ODA	2021-2030
1.19	Đường vành đai thị xã Ayun Pa	Thị xã Ayun Pa	NSĐP	2021-2025
1.20	Đường vành đai thị xã An Khê	Thị xã An Khê	NSĐP	2021-2025
2	Dịch vụ - Thương mại			
2.1	Trung tâm Logistics	Huyện Mang Yang, khu		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
		công nghiệp Nam Pleiku (huyện Chư Sê)		
2.2	Trung tâm logistics chuỗi nông sản tỉnh	Toàn tỉnh	NSNN - XHH	
2.3	Trung tâm thương mại, siêu thị	Thành phố Pleiku, các thị xã: An Khê, Ayun Pa	XHH	2021-2030
2.4	Chợ cấp I, II, III; chợ đầu mối nông sản	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3	Đô thị và nông thôn			
3.1	Các dự án phát triển thành phố Pleiku, các đô thị trung tâm tiểu vùng;	Thành phố Pleiku; các thị xã: An Khê, Ayun Pa; huyện Chư Sê	NSNN+ XHH	2021-2030
3.2	Dự án nâng cấp hạ tầng đô thị Đak Đoa	Huyện Đak Đoa		2021-2030
3.3	Dự án nâng cấp xây dựng các đô thị thị trấn loại V thành đô thị loại IV	Toàn tỉnh		2021-2030
3.4	Thành phố Pleiku, các khu đô thị ven đô Pleiku:	Thành phố Pleiku		2021-2030
-	Dự án đầu tư các tổ hợp thương mại, khu phức hợp, các công trình tạo điểm nhấn cho thành phố, các khu đô thị ven đô Pleiku;		XHH	2021-2030
-	Trụ sở liên cơ quan;		XHH	2021-2030
-	Dự án nhà cao tầng, khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp; dự án khu đô thị CK54, Khu dân cư Trường Chinh;		XHH	2021-2030
-	Khu đô thị sinh thái Nam Gia Lai, Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng tại phường Trà Bá, thành phố Pleiku.		XHH	2021-2030
3.5	Thị xã An Khê:	Thị xã An Khê		2021-2030
-	Lập và phê duyệt các Quy hoạch chi tiết khu dân cư đô thị để khai thác quỹ đất và phục vụ phát triển		NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	đô thị;			
-	Lập và phê duyệt các dự án chỉnh trang đô thị.		NSNN+XHH	2021-2030
3.6	Thị xã Ayun Pa:	Thị xã Ayun Pa		2021-2030
-	Dự án đầu tư Chợ trung tâm thị xã, siêu thị tổng hợp, hình thành khu trung tâm thương mại;		NSNN+XHH	2021-2030
-	Các dự án Chỉnh trang đô thị.			2021-2030
3.7	Đô thị Chư Sê:	Huyện Chư Sê		2021-2030
-	Dự án đầu tư Khu dân cư đô thị mới Tổ dân phố 12;		XHH	2021-2030
-	Dự án Khu dân cư đô thị mới và Hồ sinh thái thôn Hồ nước;		XHH	2021-2030
-	Dự án khu thương mại cao cấp trung tâm thị trấn Chư Sê.		XHH	2021-2030
3.8	Nông thôn	Toàn tỉnh		2021-2030
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;		NSNN	2021-2030
-	Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030		Ngân sách	2021-2030
4	Hạ tầng công nghiệp, khu kinh tế			
4.1	Hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku	Huyện Chư Sê	NSNN+XHH	
Trong đó	Đối với Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku, bổ sung hoàn thiện cơ sở trong và ngoài hàng rào Khu công nghiệp	Các huyện: Chư Sê, Chư Prông	Vốn huy động từ nguồn khác	2021-2030
4.2	Hạ tầng Khu công nghiệp Đông Pleiku	Huyện Đak Đoa	NSNN+XHH	2021-2030
4.3	Nâng cấp chuyên đổi hạ tầng Khu công nghiệp Trà Đa	Thành phố Pleiku	NSNN+XHH	2021-2030
4.4	Chuẩn bị mặt bằng cho Khu công nghiệp Tây Nam Pleiku (khi có	Huyện Ia Grai	NSNN+XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất)			
4.5	Hạ tầng các cụm công nghiệp (31 cụm công nghiệp)	Toàn tỉnh	NSNN+XHH	2021-2030
4.6.	Các dự án hạ tầng trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Huyện Đức Cơ	NSNN+XHH	2021-2031
Trong đó	Hoàn thành dự án cải tạo mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Huyện Đức Cơ	NSNN+XHH	2021-2032
5	Hạ tầng thủy lợi			
5.1	Hồ Ea Rsai	Huyện Krông Pa	NSNN+ODA	2021-2030
5.2	Hồ Cà Tung, xã Yang Bắc	Huyện Đak Pơ	NSNN+ODA	2021-2030
5.3	Hồ Suối Lơ, huyện Kbang	Huyện Kbang	NSNN + ODA	2021-2030
5.4	Hồ Đăk Pờ Tó 1	Huyện Ia Pa	NSNN+ODA	2021-2030
5.5	Hồ Kchi Ruoi	Huyện Chư Sê	NSNN+ODA	2021-2030
5.6	Hồ Đăk Tô Kông	Nam Bắc An Khê	NSNN+ODA	2021-2030
5.7	Hồ Đak Pơ Kơ	Nam Bắc An Khê	NSNN+ODA	2021-2030
5.8	Hồ Đăk xà Wong	Nam Bắc An Khê	NSNN+ODA	2021-2030
5.9	Hồ làng Ngo	Thượng Ayun	NSNN+ODA	2021-2030
5.10	Hồ Đăk Pi Hao	Thị xã Ayun Pa	NSNN+ODA	2021-2030
5.11	Hồ Đăk Pờ Tó	Thị xã Ayun Pa	NSNN+ODA	2021-2030
5.12	Các tuyến kè chống sạt lở	Các huyện	NSNN+ODA	2021-2030
5.13	Mở rộng khẩu độ sông Ba (tại đèo Tô Na) để thoát lũ		NSNN+ODA	2021-2030
5.14	Nâng cấp một số công trình thủy lợi cấp thiết đa mục tiêu cho các vùng nông nghiệp và có khả năng cấp nước cho đô thị, du lịch, công	Các huyện	NSĐP+ODA	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	<p>nghiệp gồm các dự án: Hồ chứa Ia Prat, xã Ia Khuol (huyện Chư Păh); Hồ Đăk Pờ Tó 2 (các huyện: Ia Pa, Mang Yang); Hồ Cà Tung, xã Yang Bắc, (huyện Đak Pơ); thủy lợi Djang, xã Lơ Ku, (huyện Kbang); Hồ Đăk Sơ Ró (huyện Kbang); Hồ Đăk Pờ Tó 1 (huyện Ia Pa); Hồ Ea Gui (huyện Krông Pa); Hồ Ia Ke, (huyện: Phú Thiện); Hồ Ia Đơk, Hồ Kchi Ruoi (huyện Chư Sê); Hồ chứa nước Blứ 1 (huyện Chư Puh); cụm Hồ làng Bắc và Hồ Thôn 9 (huyện Chư Prông); Hồ Ia Lang (huyện Đức Cơ); Hồ Ia Bông (huyện Ia Grai). Nâng cấp xây dựng mới hồ chứa và nâng cấp các tuyến kênh; sửa chữa hồ chứa và hoàn thiện các tuyến kênh.</p>			
6	Cấp nước			
	Hệ thống nhà máy cấp nước các đô thị (vốn công - tư PPP và vốn ODA). Ưu tiên các khu vực đô thị lớn, tập trung dân cư, có khả năng huy động theo hình thức PPP	Thành phố Pleiku; các thị xã: An Khê, Ayun Pa và các huyện	NSNN+ ODA+ XHH	2021-2030
7	Hạ tầng thoát nước			
	Hệ thống các nhà máy xử lý nước thải tại các thành phố, thị xã, thị trấn (vốn ODA)	Toàn tỉnh	NSNN+ ODA	2021-2030
8	Hạ tầng năng lượng			
8.1	Hạ tầng nguồn điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện			2021-2030
-	Điện Mặt trời: Krông Pa 2, Trang Đức, Chư Ngọc - EVNLICOGI 16 (giai đoạn 2), Phú Thiện, KN Ia Ly - Gia Lai		XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
-	Điện gió: Phát triển miền núi, Chế biến Tây nguyên (Chư Prông), Ia Pech, Ia Pech 2 (Ia Grai), Song An (An Khê), Yang Trung, Chợ Long, Hung Hải Gia Lai (Kông Chro), Ia Le 1, Ia Boong - Chư Prông (Chư Puh)	Các huyện: Chư Prông, Ia Grai, An Khê, Kông Chro, Chư Puh	XHH	2021-2030
-	Điện sinh khối: Cụm Nhà máy điện sinh khối (xã Gào, thành phố Pleiku), Nhà máy điện sinh khối Gia Lai (Chư Puh)	Thành phố Pleiku, huyện Chư Puh	XHH	2021-2030
-	Xây mới các thủy điện: Ia Glae 2, Ia Tchom 1, Đăk Pô Kei, Ia Hiao, Đăk Ayuonh, Krông Ja Taun, Ia Grai Thượng, Lơ Pang		XHH	2021-2030
8.2	Hạ tầng truyền tải điện			2021-2030
-	Lưới truyền tải 110kV	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
-	Xây mới: Nhánh rẽ TBA 110kV Đak Đoa (mạch kép), đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 220kV Pleiku - TBA 110kV Ia Grai, nhánh rẽ TBA 110kV Chư Păh (mạch kép), nhánh rẽ TBA 110kV Trà Đa (mạch kép), đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 110kV Trà Đa - TBA 110kV Pleiku, đường dây 110kV Mang Yang - An Khê (mạch đơn), nhánh rẽ TBA 110kV Đak Pơ (mạch kép), đường dây 110kV Krông Pa - Sơn Hoà (mạch kép), nhánh rẽ TBA 110kV Phú Thiện (mạch kép), nhánh rẽ TBA 110kV BNgong (mạch kép), nhánh rẽ TBA 110kV Tây Pleiku (mạch kép), đường dây 110kV (mạch kép) từ TBA 220kV Chư Sê, đường dây 110kV (mạch đơn) từ trạm 220kV Chư Sê - TBA 110kV Chư Sê, đường dây 110kV	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	<p>(mạch kép) đầu nối ĐMT Krông Pa 2, nhánh rẽ TBA 110kV Kông Chro (mạch kép), đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 220kV An Khê, đường dây 110kV (mạch kép) từ TBA 220kV An Khê, nhánh rẽ TBA 110kV Ia Pa (mạch kép), đường dây 110kV (mạch kép) Phú Thiện - Ia Pa, đường dây 110kV (mạch kép) từ TBA 220kV Chư Sê -Phú Thiện, nhánh rẽ TBA 110kV Lệ Thanh (mạch đơn), đường dây 110kV (mạch kép) từ TBA 220kV Pleiku 2, Treo dây mạch 2 đường dây 110kV Ayun Pa - EaHleo, đường dây 110kV (mạch kép) Phú An - TBA 220kV An Khê, đường dây 110kV (mạch đơn) TBA 220kV An Khê - Mang Yang, đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ TBA 110kV Đăk Trôi, đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ TBA 110kV Thăng Hưng, đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 220kV Chư Sê - TBA 220kV Krông Pa, đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ TBA 110kV Gia Trung, đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ TBA 110kV Ia Kha, đường dây 110kV (mạch kép) Pleime - Chư Prông, đường dây 110kV Mang Yang - Ayun Thượng 1A (mạch đơn), đường dây 110kV (mạch kép) từ TBA 220kV Krông Pa đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110kV Thủy điện Đăk Srông 3B - ĐMT Krông Pa, đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 220kV Krông Pa đầu nối vào TBA 110kV Krông</p>			

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	Pa, đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 220kV An Khê đấu nối vào TBA 110kV Kbang, đường dây 110kV (mạch đơn) từ TBA 110kV Pleime đấu nối vào TBA 110kV Chư Puh.			
-	Cải tạo, nâng tiết diện: Đường dây 110kV Diên Hồng - Chư Sê, đường dây 110kV NĐ bã mía Gia Lai - Ayun Pa, đường dây 110kV Ayun Pa - Đăk Srông 3B, đường dây 110kV (mạch kép) nhánh rẽ đấu nối Thủy điện Đăk Srông, đường dây 110kV (mạch kép) Phú Thiện - Ia Pa, đường dây 110kV 500kV Pleiku - Kon Tum, đường dây 110kV TĐ Đak Đoa đang đấu nối T vào đường dây 110kV 500kV Pleiku - Kon Tum.	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
-	Trạm 110KV: TBA 110kV Trà Đa, TBA 110kV Tây Pleiku, TBA 110kV Đak Đoa, TBA 110kV Ia Grai từ 25MVA lên (25+40) MVA, TBA 110kV Chư Păh, TBA 110kV An Khê công suất từ 2x25MVA lên 2x40MVA, TBA 110kV Đak Pơ, TBA 110kV Krông Pa công suất từ 25MVA lên (25+40) MVA, TBA 110kV Phú Thiện	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
9	Thông tin truyền thông			2021-2030
9.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu, công nghệ thông tin điện tử và ứng dụng thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu các ngành	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
9.2	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật; xây dựng các nền tảng công nghệ thông tin ứng dụng các công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
9.3	Nâng cấp đồng bộ hạ tầng bưu	Toàn tỉnh	NSNN+	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	chính, viễn thông		XHH	
9.4	Đề án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
10	Khoa học và công nghệ			2021-2030
	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học - công nghệ phục vụ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
V	CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN			
1	Chương trình xây dựng cơ chế chính sách phát triển			
1.1	Dự án thuộc Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	NSNN+ XHH	2021-2030
1.2	Dự án phát triển Khu phi thuế quan		NSNN+ XHH	2021-2030
2	Chương trình phát triển thành phố Pleiku			2021-2030
2.1	Dự án thuộc Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
2.2	Dự án Xây dựng các phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ Trung tâm giám sát điều hành thông minh	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
2.3	Dự án thuộc Đề án phát triển thành phố Pleiku trở thành Trung tâm Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên và Khu Tam giác phát triển (Việt Nam - Lào - Campuchia)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
3	Chương trình chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính			
3.1	Dự án xây dựng Chính quyền số	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.2	Dự án Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.3	Dự án thuộc Đề án chuyển đổi số	Toàn tỉnh	NSNN+	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
	các ngành và lĩnh vực trụ cột		XHH	
3.4	Dự án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.5	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử và ứng dụng du lịch thông minh, kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.6	Dự án hạ tầng kỹ thuật; xây dựng các nền tảng công nghệ thông tin ứng dụng các công nghệ mới phục vụ chuyển đổi số tỉnh Gia Lai	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
3.7	Đề án Hạ tầng số (Big data, ICT)	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
3.8	Dự án xây dựng Trung tâm “Khởi nghiệp, Đổi mới, sáng tạo và Dữ liệu lớn (Big data) tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
3.9	Đầu tư xây dựng mới Trung tâm sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình	Thành phố Pleiku	NSNN	2021-2030
3.10	Trạm phát sóng Hàm Rồng	Thành phố Pleiku, huyện Đak Đoa	NSNN	2021-2030
4	Chương trình, dự án phát triển nguồn nhân lực			
4.1	Xây dựng phân hiệu trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và liên kết đào tạo giữa các trường Đại học Y có uy tín	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030
4.2	Các dự án thuộc Đề án tăng cường chất lượng giáo dục phổ thông ở các xã vùng sâu, vùng xa	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
4.3	Các dự án thuộc Đề án khuyến khích đào tạo các nghề trọng điểm	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
4.4	Các chương trình thuộc Đề án xây dựng đội ngũ công chức thực tài ở các cấp	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
4.5	Dự án Trường liên cấp chất lượng cao Gia Lai	Thành phố Pleiku	NSNN+ XHH	2021-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện dự kiến
4.6	Dự án Trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao	Huyện Đak Đoa	NSNN+ XHH	2021-2030
4.7	Dự án thuộc Đề án đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị trường phổ thông	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
4.8	Dự án Trường trung cấp Gia Lai	Huyện Chư Păh	NSNN+ XHH	2021-2030
4.9	Các dự án thuộc Đề án phát triển mô hình giáo dục thông minh xanh ở các trường phổ thông	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
4.10	Các dự án thuộc Đề án chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo	Toàn tỉnh	NSNN+ XHH	2021-2030
C	DỰ ÁN TỈNH THEO CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA			
1	Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
2	Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
3	Dự án thuộc Chương trình sắp xếp ổn định dân di cư	Toàn tỉnh	NSNN	2021-2030
D	CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025			
1	Đường cao tốc quốc lộ 19 đoạn từ ngã 3 cầu Bà Di đến thành phố Pleiku	Tỉnh Bình Định Tỉnh Gia Lai		

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.



Phụ lục XXIII
DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH GIA LAI
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên bản đồ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế, dạy nghề, khoa học - công nghệ)
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, hệ thống cấp thoát nước)
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên (gồm cả tài nguyên nước)
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện